

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 13/12/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	846	MRM+RC4+RC6	7:25	20+0+0	0+0+0		20+1+1	0+0+0	
2	424	TĐ <sub>2</sub> CTK3+TD3	7:25	6+14	0+0		3+19	0+0	
3	420	CLO+P2+P8	7:25	4+0+17	0+0+0		4+0+18	0+0+0	TRANS 1PAX CLO-P2
4	427	TD5+TD1	7:25	14+0	0+0		21+1	0+0	
5	846	VSP01+P7	9:25	20+2	0+0		13+9	0+0	
6	420	TTCl-P8+P9	9:25	11+0+9	0+0+0		7+2+7	0+0+0	
7	424	P6+TTC3	9:25	15+7	0+0		15+7	0+0	
8	427	BK10+BK14+VSP01	9:25	0+4+12	0+0+0		0+0+22	0+0+0	TRANS 4PAX BK10-BK14
9	410	AMD+P5	11:25	22+0	0+0		15+7	0+0	
10	420	TTC2+P6	11:25	8+14	0+0		6+13	0+0	
11	4207	MRM+AMD	11:25	9+12	0+0		5+16	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng đồng này để xem tất cả các thông báo.



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/12/2017	TO: MRM - RC4 - RC6	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Khang - MTHAO - Năm -	ETA: 09:10
XANH-1		Trưởng	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUNG DUNG	MRM	64	1	10	32	75	KHOAN	Vietnamese
2	CU NGOC HONG	MRM	59	1	11		78	KHOAN	Vietnamese
3	CHEBYKIN KONSTANTIN	MRM	46	1	17		84	KHOAN	Russian
4	FILATOV ALEXANDER	MRM	50	1	6		88	KHOAN	Russian
5	ORUDZHEV SHUKURULLA	MRM	44	1	10		85	KHOAN	Russian
6	RATUSHNYI VLADIMIR	MRM	43	1	15		127	KHOAN	Russian
7	ABAYDULLIN MARS	MRM	54	1	15		74	KHOAN	Russian
8	VARAKSIN VLADIMIR	MRM	57-58	2	14		99	KHOAN	Russian
9	KUMBA ZHAN ROBER	MRM	52	1	8		75	KHOAN	Russian
10	PISMENNYI ANTON	MRM	48	1	10		92	KHOAN	Russian
11	VIRIN ALVIN	MRM	45	1	10		96	KHOAN	Russian
12	VARENOV GRIGORII	MRM	55-56	2	8		75	KHOAN	Russian
13	BABKO RADAMES	MRM	47	1	7		102	KHOAN	Russian
14	DEVADZE OLEG	MRM	53	1	10		97	KHOAN	Russian
15	KARAVKA ANTON	MRM	49	1	5		86	KHOAN	Russian
16	KRUPNIKOV ALEXANDER	MRM	51	1	7		104	KHOAN	Russian
17	TRAN SY VUONG	MRM	60	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
18	TRINH CHI CUONG	MRM	63	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
19	HOANG TUAN NAM	MRM	62	1	9		56	KHOAN	Vietnamese
20	VU DINH HUNG	MRM	61	1	7		80	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	20	22	188	1.708	32	20		
2	RC4	0	0	0	0	0	1		
3	RC6	0	0	0	0	0	1		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>22</b>	<b>188</b>	<b>1.708</b>	<b>32</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>188</b>	<b>1.708</b>	<b>32</b>			

GRAND TOAL: 1.928 KGS

VSP REP.  
*[Signature]*

VNH REP.  
*[Signature]*

CAPTAIN  
*[Signature]*



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/12/2017	TO: TD2 - CTK3 - TD3	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:50
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Bằng - PHÚ - thông - THẢO	ETA: 09:30
trang-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SAFONOV BORIS	TD2	19	1	10		80	KHOAN	Russian
2	LÊ HÔNG ĐÀI	CTK3	28	1	7		73	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYEN QUANG VINH	CTK3	27	1	5		75	D-HANH	Vietnamese
4	NGUYEN VAN DUNG	CTK3	29	1	5		65	D-HANH	Vietnamese
5	KYREEV	CTK3	26	1	5		90	D-HANH	Russian
6	PHUNG ANH TUAN	CTK3	30	1	4		70	D-HANH	Vietnamese
7	DANG THANH HOANG	CTK3	51	1	5		70	DIEU PHAI	Vietnamese
8	PHILLIPOV N.L	TD3					84	KHOAN	Russian
9	LE TRONG TUYEN	TD3	01	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VIỆT HUNG	TD3	12	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
11	PHAM THANH DUNG	TD3	10	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN ĐỨC THANH	TD3	09	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
13	ĐẶNG XUÂN LƯU	TD3					65	KHOAN	Vietnamese
14	BUI VAN NGHIA	TD3	03-04	2	16		80	KHOAN	Vietnamese
15	LE SY HUNG	TD3	08	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN SON HAI	TD3	07	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
17	PHAM NGOC DUNG	TD3	05	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN VIỆT THANG	TD3	06	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
19	VŨ MẠNH ĐIẾP	TD3	13-14	2	10	25	68	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYEN ĐẠI NGHĨA	TD3	15	1	10		55	CODIEN	Vietnamese
21	LE XUÂN TUNG	TD3	11	1	10		63	ANTOAN	Vietnamese
22	KARPUNHIN	TD3	02	1	11		102	KHOAN	Russian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	1	1	10	80	0	0		
2	CTK3	6	6	31	443	0	3		
3	TD3	15	15	94	1.092	25	19		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>22</b>	<b>135</b>	<b>1.615</b>	<b>25</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>135</b>	<b>1.615</b>	<b>25</b>			

GRAND TOAL: 1.775 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 13-Dec-17	TO: CLO - P2 - P8	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Nam - DUONG - HIẾU	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DOMIN	CLO	01-02	2	10		108	KHOAN	Russian
2	ĐO VAN QUANG	CLO	04	1	5	20	70	KHOAN	Vietnamese
3	SADOVNIKOV	CLO	03	1	8		118	KHOAN	Russian
4	NGUYEN TUAN MINH	CLO	05-06	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
5	HUYNH CHANH PHAT	P8	63	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
6	SAMOLOV V.A	P8	67	1	8		73	KH-THAC	Russian
7	LAZAREV A.	P8	66	1	7		80	KH-THAC	Russian
8	TRẦN HUNG MÊN	P8	56-57	2	10		64	YTE	Vietnamese
9	LÊ QUANG HIEN	P8	58	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN QUỐC VIỆT	P8	59	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT KHA	P8	61-62	2	5		60	KH-THAC	Vietnamese
12	LƯƠNG VĂN QUYẾT	P8	65	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN ANH ĐỨC	P8	69	1	5	50	70	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG VAN THUC	P8	64	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
15	CAO ĐANG VIEN	P8	72	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	OVCHARENKO	P8	68	1	4		88	KH-THAC	Russian
17	NGUYEN HUU DUNG	P8	60	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN THANH HOANG	P8	70	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN GIA KHANH	P8	71	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TRỌNG TIẾN	P8	55	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	4	6	38	366	20	4	1	CHUYEN 01 PAX TU CLO SANG P2
2	P2	0	0	0	0	15	0		
3	P8	16	18	102	1.099	50	18		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>24</b>	<b>140</b>	<b>1.465</b>	<b>85</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>140</b>	<b>1.465</b>	<b>85</b>			

GRAND TOAL: 1.690 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/12/2017	TO: TD5 - TD1	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - TRƯỜNG - PTUẤN	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG XUAN THI	TD5	13	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
2	PHAM VAN HUONG	TD5	05	1	8		63	KHOAN	Vietnamese
3	ĐAO QUANG MINH	TD5	12	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
4	HOANG MINH TAN	TD5	02	1	10		80	YTE	Vietnamese
5	BUI DINH PHUC	TD5	14	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN NGOC LINH	TD5	08	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
7	ĐO VINH CUONG	TD5	07	1	9		70	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN TAT THANH	TD5	09	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
9	HÒ VAN TIEN	TD5	10	1	3		64	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN SY LE	TD5	03	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN THANH CONG	TD5	01	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
12	BUI TAN BINH	TD5	11	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN VAN DIEU	TD5	04	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
14	SIDORSKY	TD5	06	1	10		90	ANTOAN	Russian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	14	14	85	986	0	21		
2	TD1	0	0	0	0	0	1		
<b>TOTAL</b>		<b>14</b>	<b>14</b>	<b>85</b>	<b>986</b>	<b>0</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>85</b>	<b>986</b>	<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.071 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/12/2017	TO: VSP01 - P7	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Khang - MTHAO - Năm - Trương	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ПАСКЕВИЧ В. В. (PASKEVICH)	VSP01	78	1	5	100	98	KH-THAC	Russian
2	VU NGUYEN TRUNG	VSP01					48	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM VAN ĐỨC	VSP01	66-67	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN BAC HA	VSP01	81	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN BA BANG	VSP01	70	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
6	ГУРИН В.В. (GURIN)	VSP01	71	1	5		96	KH-THAC	Russian
7	NGUYEN NGOC LAN	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN DUY BINH	VSP01	76	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN ĐỨC THÔNG	VSP01	74-75	2	17		85	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN HOANG LONG	VSP01	68	1	1		64	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN MIT	VSP01	80	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	LE THANH HOAN	VSP01	77	1	2		66	KH-THAC	Vietnamese
13	NGO XUAN ĐỨC	VSP01	72-73	2	18		67	KH-THAC	Vietnamese
14	HUYNH VAN THON	VSP01	65	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN NGHIA	VSP01					79	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN QUANG NAM	VSP01	63	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN XUAN THUY	VSP01					85	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN THUONG HAI	VSP01	69	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN QUOC TUAN	VSP01	79	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN BA NGOC	VSP01	64	1	2		60	KH-THAC	Vietnamese
21	HA VAN CANH	P7	89	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐOAN NGOC THƯƠNG	P7	90	1	15		74	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	20	19	98	1.462	100	13		
2	P7	2	2	25	137	0	9		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>21</b>	<b>123</b>	<b>1.599</b>	<b>100</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>123</b>	<b>1.599</b>	<b>100</b>			

GRAND TOAL: 1.822 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/12/2017	TO: TTC1 - P8 - P9	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:45
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Nam - DUONG - HIẾU	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NG. THANH HAI	TTC1	90	1	9		62	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN CÔNG TUYẾN	TTC1	94	1	5	50	70	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM TRUNG THUY	TTC1	89	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NIKITIN D.I	TTC1	98	1	5		85	KH-THAC	Russian
5	NGUYỄN HUY HUNG	TTC1	88	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN THUY	TTC1	87	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM DUY CHUNG	TTC1	91	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN QUYNH	TTC1					70	GETRACO	Vietnamese
9	VŨ VIỆT SƠN	TTC1	92-93	2	10		56	GETRACO	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN HAI	P8	19	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ VĂN TÂN	P8	18	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ NGỌC ANH	P8	17	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI MẠNH CUƠNG	P8	09	1	8	40	70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC CHÂN	P8	24	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ NGỌC TUÂN	P8	12	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐỖ TRỌNG LƯỢNG	P8	10-11	2	17		62	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN SANH TRƯỜNG	P8	20-21	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ QUY BƯỜNG	P8	08	1	5		58	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN VĂN TÂN	P8	13-14	2	17		50	XAYLAP	Vietnamese
20	VŨ MẠNH THẮNG	P8	15-16	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	9	9	51	601	50	7		
2	P8	11	15	121	722	40	7		
3	P9	0	0	0	0	0	8		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>24</b>	<b>172</b>	<b>1.323</b>	<b>90</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>172</b>	<b>1.323</b>	<b>90</b>			

GRAND TOAL: 1.585 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/12/2017	TO: P6 - TTC3	AIRCRAFT: 424	ETD: 10:00
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Bằng - PHÚ - thông - THẢO	ETA: 11:40
Vàng - 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH QUANG TRUNG	P6	36	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM MINH TOAN	P6	39-40	2	7		60	YTE	Vietnamese
3	NGUYEN VAN TAI	P6	30	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
4	VU ĐỨC HOE	P6	31	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
5	VU ĐINH SY	P6	37-38	2	12		68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN PHU	P6	42	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
7	TICHONOV A.N	P6	29	1	10		93	KH-THAC	Russian
8	NGUYEN VAN THIN	P6	33	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN VAN KHUONG	P6	41	1	5	60	72	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN XUAN QUANG	P6	32	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN TRONG	P6	43	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
12	VU THANH ĐO	P6	44	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐAO KIM SAM	P6	34	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM VAN ĐOÀ	P6	45	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
15	LAM VAN KHUONG	P6	35	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
16	BACH ANH TUAN	TTC3	28,33	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ HUY MẠNH	TTC3	27	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ ĐẠI THÀNH	TTC3	32	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN TRONG HIEU	TTC3	26	1	5	30	55	KH-THAC	Vietnamese
20	TÔ TIEN DUNG	TTC3	25	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
21	CHALERMSAK AUNWONG	TTC3	23	1	8		78	XAYLAP	Thailand
22	NGUYEN THANH SỰ	TTC3	34	1	3		70	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	15	17	89	1.023	60	15		
2	TTC3	7	8	41	483	30	7		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>25</b>	<b>130</b>	<b>1.506</b>	<b>90</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>130</b>	<b>1.506</b>	<b>90</b>			

GRAND TOTAL: 1.726 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/12/2017	TO: BK10 - BK14 - VSP01	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - TRƯỜNG - PTUẤN	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUANG BIÊN	BK14	94	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI THAI BAN	BK14	96	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
3	LE CÔNG VINH	BK14					71	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM VĂN THUẬN	BK14	95	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ANH THĂNG	VSP01	97	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
6	DOAN VIET ĐANG	VSP01	96	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM HUY BÌNH	VSP01	48	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN TOAN	VSP01	87	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM VĂN TRƯỜNG	VSP01	98	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THUY HAI	VSP01	46	1	5		74	ĐANG KIEM	Vietnamese
11	PHẠM TUẤN VIỆT	VSP01	49-50	2	12		86	ĐANG KIEM	Vietnamese
12	PHẠM THANH HÀ	VSP01	95	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI NGUYỄN QUANG	VSP01	89	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
14	NG. THANH LONG	VSP01	47	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG MINH SON	VSP01	88	1	14		74	ANTOAN	Vietnamese
16	NGUYEN MANH TUNG	VSP01	90-91	2	10		76	YTE	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	0	0	0	0	40	0	4	CHUYEN 4 PAX BK10 SANG BK14
2	BK14	4	3	17	267	0	0		
3	VSP01	12	14	91	846	0	22		
<b>TOTAL</b>		<b>16</b>	<b>17</b>	<b>108</b>	<b>1.113</b>	<b>40</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>108</b>	<b>1.113</b>	<b>40</b>			

**GRAND TOTAL: 1.261 KGS**

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 13-Dec-17	TO: AMD - P5	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:50
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: ĐỨC - Khang - Năm -	ETA: 13:30
TRANG-3		DTùng	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN AN	AMD	19	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
2	LE HUY HOANG	AMD	25	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN MINH KIEN	AMD	16	1	7	40	64	KH-THAC	Vietnamese
4	PHUNG MINH HAI	AMD	12	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
5	ZAINAL MUCHTADIN	AMD	15	1	10		65	KH-THAC	Indian
6	RICHARD DIAS	AMD	17-18	2	11		74	KH-THAC	Indian
7	K' LỘC	AMD	08	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI XUAN TAO	AMD	02	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN CONG DUNG	AMD	03	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN TRAN ĐỨC MINH	AMD	05	1	13		75	KH-THAC	Vietnamese
11	TRINH VAN PHA	AMD	14	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN ĐINH	AMD	13	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM THANH HUNG	AMD	06	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN TAN	AMD	09	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
15	VU MANH HA	AMD	04	1	9		89	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN HUNG	AMD	23	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN ĐỨC HẬU	AMD	10-11	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI VAN HUONG	AMD	24	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM NGOC TUAN	AMD	20	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAM ANH NGU	AMD	21	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐOAN VAN DUNG	AMD	07	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	21	23	154	1.437	40	15		
2	P5	0	0	0	0	45	2		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>23</b>	<b>154</b>	<b>1.437</b>	<b>85</b>	<b>17</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>154</b>	<b>1.437</b>	<b>85</b>			

GRAND TOAL: 1.676 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/12/2017	TO: TTC2 - P6	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:55
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Nam - XHOÀN - HIẾU	ETA: 13:35
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ NGUYỄN HỒNG THANH	TTC2	97	1	6		83	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ TUẤN ANH	TTC2	98	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	VÕ TUẤN ANH	TTC2	91-92	2	10		50	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TUẤN MINH	TTC2	90	1	5	35	80	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH VINH	TTC2	89	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NAM HAI	TTC2	94-96	3	15		68	T-TIN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HUYNH	TTC2	88	1	3		75	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐĂNG NAM	TTC2	93	1	4		70	PSV	Vietnamese
9	ĐỖ HOANG TRỌNG	P6	56	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
10	NGO VĂN SANG	P6	50	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI THỨC PHÚC	P6	28	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN HUY THÔNG	P6	57	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐÔNG XUÂN PHÚ	P6	54	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN CỬ	P6	55	1	5		53	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG LONG HAI	P6	58	1	6		88	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ ANH TUẤN	P6	63	1	5		70	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN LÊM	P6	61	1	10	30	70	CODIEN	Vietnamese
18	ĐỖ CÔNG MINH	P6	51	1	5		70	GETRACO	Vietnamese
19	TRẦN QUỐC DOANH	P6	53	1	5		77	GETRACO	Vietnamese
20	TRẦN VĂN VIỆT	P6	60	1	4		66	GETRACO	Vietnamese
21	PHẠM HỮU MINH	P6	59	1	4		60	GETRACO	Vietnamese
22	NGUYỄN NGỌC SƠN	P6	52	1	3		80	GETRACO	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	8	11	54	571	35	6		
2	P6	14	14	73	970	30	13		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>25</b>	<b>127</b>	<b>1.541</b>	<b>65</b>	<b>19</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>127</b>	<b>1.541</b>	<b>65</b>			

GRAND TOAL: 1.733 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 13-Dec-17	TO: MRM - AMD	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:00
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - Linh - PTUẤN	ETA: 13:40
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUU VIET	MRM	74	1	15		57	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN VAN TIET	MRM	75-76	2	14		75	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN TUAN DUONG	MRM	68	1	7		82	KHOAN	Vietnamese
4	VU HAI THANG	MRM	72	1	12		74	KHOAN	Vietnamese
5	LY NHAT TRUONG	MRM	73	1	14		77	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN MANH TRUONG	MRM	69	1	12		78	KHOAN	Vietnamese
7	ĐAO VAN YEN	MRM	71	1	11		60	KHOAN	Vietnamese
8	HUYNH VU TINH	MRM	70	1	9		69	KHOAN	Vietnamese
9	KOROL YURIY	MRM	77	1	17		87	KHOAN	Russian
10	NGUYEN NGOC THU	AMD	67	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN NGOC THU	AMD	68-69	2	12		69	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN MANH HA	AMD	96	1	7		56	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN DAN	AMD	20	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG VAN GIANG	AMD	50	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM VAN LAM	AMD	22	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN ĐUC THANG	AMD	98-99	2	12		63	KH-THAC	Vietnamese
17	LUU HONG NGHIA	AMD	300,49	2	12		60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN LUONG	AMD	97	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
19	LE XUAN TUAN	AMD	898-899	2	12		60	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN TRAI	AMD	900	1	11		61	KH-THAC	Vietnamese
21	VU PHUONG HUY	AMD	66	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	9	10	111	659	0	5		
2	AMD	12	16	112	778	0	16		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>26</b>	<b>223</b>	<b>1.437</b>	<b>0</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>223</b>	<b>1.437</b>	<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.660 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN